

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NHÀ PHỐ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NHÀ PHỐ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TOWNHOUSE INVESTMENT AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108621556

**3. Ngày thành lập:** 27/02/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 62 lô TT9, Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                            | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                    | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                              | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                   | 4223        |
| 4.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                    | 4229        |
| 5.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                       | 4330        |
| 6.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                  | 4390        |
| 7.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                   | 4649        |
| 9.  | Phá dỡ                                                                                               | 4311        |
| 10. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                       | 7730        |
| 11. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                | 8121        |
| 12. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                    | 8129        |
| 13. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                | 8130        |
| 14. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                     | 2591        |
| 15. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                          | 2593        |
| 16. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                          | 2599        |
| 17. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                       | 2511        |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321        |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                | 4322        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4662 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4329 |
| 22. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Thiết kế quy hoạch xây dựng;</p> <p>Thiết kế kiến trúc công trình, - Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan, - Thiết kế kết cấu công trình, - Thiết kế điện - cơ điện công trình- Thiết kế cấp - thoát nước, - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt, - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng, - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy</p> <p>Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.</p> <p>Giám sát công tác xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;- Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.</p> <p>-Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình.</p> <p>Đo bóc khối lượng;</p> <p>Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;</p> <p>Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;</p> <p>Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;</p> <p>Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng</p> | 7110 |
| 23. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2592 |
| 24. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2512 |
| 25. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2513 |
| 26. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4299 |
| 27. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4312 |
| 28. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐỖ VĂN DƯƠNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 06/05/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033085000735

Ngày cấp: 09/09/2015 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nội Thượng, Xã An Viên, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P2314 CT10A Khu đô Thị Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐỖ VĂN DƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/05/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033085000735

Ngày cấp: 09/09/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nội Thượng, Xã An Viên, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P2314 CT10A Khu đô Thị Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội